

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

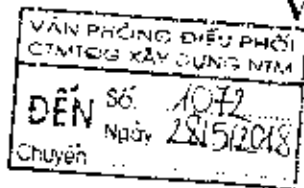
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 933 /QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày 22 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bộ tiêu chí xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới
nâng cao giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 315/QĐ-UBND ngày 28/02/2017 của UBND tỉnh về việc áp dụng một số tiêu chí trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Công văn số 1345/BNN-VPĐP ngày 08/02/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn xây dựng và triển khai kế hoạch xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018 - 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 44/TTr-SNN ngày 15/5/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018 - 2020, áp dụng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 2. Bộ tiêu chí này áp dụng đối với các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định tại Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 ban hành theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và quy định một số tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới áp dụng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2017- 2020 tại Quyết định số 315/QĐ-UBND ngày 28/2/2017 của UBND tỉnh; là cơ sở để chỉ đạo, đánh giá, xét công nhận, công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018 - 2020.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Các sở, ngành, cơ quan có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ chủ động hướng dẫn thực hiện; tổ chức xem xét, thẩm định việc hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới nâng cao của các xã theo quy định.

2. UBND các huyện, thành phố và các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới căn

cứ quy định này tập trung chỉ đạo, triển khai xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; hằng năm tổ chức rà soát đánh giá mức độ hoàn thành từng tiêu chí xây dựng nông thôn mới nâng cao trên địa bàn theo quy định.

3. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh tham mưu UBND tỉnh thực hiện việc xét, công nhận, công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018-2020 theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, Chủ tịch UBND các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Văn phòng ĐP NTM TW;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể tỉnh
- Công ty Điện lực Lạng Sơn;
- Các PVP UBND tỉnh, các phòng CM, TH-CB;
- Lưu: VT, KTN (VQK).

55

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

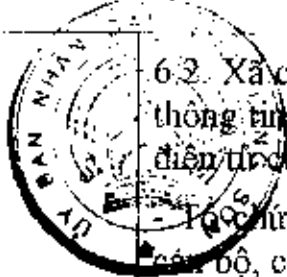


Phạm Ngọc Thường

BỘ TIÊU CHÍ
XÂY DỰNG XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO
GIẢI ĐOẠN 2018-2020 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LẠNG SƠN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 933/QĐ-UBND ngày 22/5/2018 của UBND tỉnh)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
1	Đường giao thông	1.1. Hệ thống đường giao thông trên địa bàn xã được giao quản lý cụ thể, được duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp theo quy định.	100%
		1.2. Đường trục thôn, xóm:	Đạt
		- Tỷ lệ km được cứng hóa mặt đường đạt quy định của Bộ Giao thông vận tải	≥ 80%
		- Có rãnh thoát nước hai bên đường hoặc đảm bảo thoát nước tốt vào mùa mưa, không ứ đọng	≥ 90%
		- Có biển báo giao thông đầu các trục thôn (biển báo hạn chế tải trọng xe, biển chỉ dẫn...).	Đạt
		1.3. Đường ngõ, xóm:	Đạt
		- Tỷ lệ km được cứng hóa mặt đường (mặt đường tối thiểu 2,0m; trừ trường hợp bất khả kháng mặt đường rộng 1,0m).	≥ 75%
		- Có rãnh thoát nước mặt đường hoặc đảm bảo thoát nước tốt, không lầy lội vào mùa mưa	Đạt
2	Nhà văn hóa, Khu thể thao	2.1. Nhà văn hoá, khu thể thao xã	Đạt
		- Nhà văn hóa, hội trường xã: Có các phòng chức năng theo quy định và phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ được tổ chức theo quy định tại Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL, ngày 22/12/2010 của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch.	Đạt
		- Khu thể thao: Được xây dựng theo quy định (tối thiểu phải có sân bóng đá 07 người với diện tích từ 45m x 60m theo tiêu chuẩn, tuy nhiên vẫn phải có quy hoạch sân bóng đá 90m x 120m theo tiêu chuẩn) và có một số dụng cụ thể dục, thể thao đảm bảo theo công trình thể dục thể thao và các môn thể thao của từng địa phương. Các hoạt động thể dục, thể thao phải đáp ứng theo quy định tại Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL, ngày 22/12/2010 của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch.	Đạt

		- Có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi (có thể xây dựng riêng hoặc bố trí kết hợp). Có hoạt động văn hóa, vui chơi giải trí cho trẻ em và người cao tuổi đạt 30% thời gian hoạt động.	Đạt
		2.2. Nhà văn hóa và sân thể thao thôn	Đạt
		- Nhà văn hóa thôn: Có đầy đủ trang thiết bị nhà văn hoá theo quy định. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ thu hút 30% trở lên/tổng số dân tham gia; hoạt động văn hóa vui chơi, giải trí phục vụ trẻ em đạt 30% thời gian hoạt động	Đạt
		- Có sân thể thao đơn giản (từ 200m ² trở lên) và có các dụng cụ thể thao tối thiểu phù hợp với phong trào thể thao quần chúng ở địa phương; thu hút 15% trở lên/tổng số dân tham gia hoạt động thể dục thể thao.	Đạt
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp sau khi chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp được tưới tiêu chủ động bởi công trình thủy lợi.	≥ 90%
		3.2. Có mô hình áp dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trong sản xuất phát triển các loại cây trồng có giá trị cao phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới	≥ 01 mô hình
		3.3. Các đơn vị sử dụng nước (UBND cấp xã, HTX, THT,...) xây dựng kế hoạch tổ chức quản lý, khai thác, vận hành công trình thủy lợi, có kế hoạch phân phối, điều tiết nước đảm bảo cấp nước tiết kiệm, kịp thời và hiệu quả.	Đạt
4	Hệ thống điện	4.1. Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện, có sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện	100%
		4.2. Đường giao thông đi qua khu dân cư tập trung có điện chiếu sáng	≥ 50%
5	Trường học	Trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất và thiết bị dạy học.	100%
6	Truyền thông	6.1. Đài truyền thanh xã: - Đài truyền thanh xã và hệ thống loa truyền thanh tại các thôn hoạt động hiệu quả, ổn định, đảm bảo thời gian hoạt động tối thiểu 2h/ngày, trong đó có thời lượng dành cho phát sóng các nội dung thông tin, tuyên truyền từ chính quyền cấp xã. - Đảm bảo 75% hộ dân nghe được thông tin từ hệ thống loa hoạt động.	Đạt

		<p>6.2. Xã có Trang thông tin điện tử của xã hoặc Trang thông tin điện tử thành phần trên cổng/trang thông tin điện tử của huyện cung cấp tối thiểu các thông tin:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tốc lực bộ máy hành chính, thông tin liên hệ của các bộ, công chức. - Thông tin địa giới hành chính, điều kiện tự nhiên, văn hóa, di tích, danh thắng, quảng bá tiềm năng, thế mạnh của xã. - Tin tức hoạt động của xã. - Thông tin tuyên truyền phổ biến chính sách, pháp luật. 	Đạt
7	Nhà ở và công trình phụ trợ	<p>7.1. Tỷ lệ nhà ở dân cư đạt tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng</p> <p>7.2. Nhà ở có kiến trúc phù hợp phong tục, tập quán đặc trưng của địa phương và nhà ở dân cư phải được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, khoa học, thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ.</p> <p>7.3. Các công trình phụ trợ (sân, công, ngõ, tường rào, nhà tắm, bể nước, nhà tiêu, nhà bếp) được bố trí thuận tiện sinh hoạt, hợp vệ sinh, bảo đảm mỹ quan.</p>	<p>≥ 90%</p> <p>Đạt</p> <p>Đạt</p> <p>Đạt</p>
8	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2020 (triệu đồng/người)	<p>2018: 36 Tr</p> <p>2019: 39 Tr</p> <p>2020: 43 Tr</p>
9	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2018-2020	≤ 6%
10	Phát triển sản xuất và hình thức tổ chức sản xuất	<p>10.1. Có hợp tác xã hoạt động có hiệu quả, tham gia vào chuỗi liên kết hoặc một khâu trong chuỗi liên kết (sản xuất, tiêu thụ, dịch vụ,...).</p> <p>10.2. Có mô hình phát triển sản xuất gắn với sản phẩm trọng điểm của địa phương theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, có sự liên kết trong tổ chức sản xuất với doanh nghiệp, hợp tác xã...; sản phẩm trọng điểm được xây dựng nhãn mác, bao bì, đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, có định hướng phát triển dịch vụ, du lịch phù hợp...</p>	Đạt
11	Văn hóa, Giáo dục, Y tế	<p>11.1. Văn hoá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ thôn, bản được công nhận và giữ vững danh hiệu "Thôn văn hoá" 2 năm trở lên - Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn Gia đình văn hoá - Xã có các câu lạc bộ Văn hoá, văn nghệ, thể thao quần chúng hoạt động có hiệu quả 	<p>≥ 90%</p> <p>≥ 90%</p> <p>Đạt</p>

		- Bảo tồn, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc truyền thống có đặc thù riêng.	Đạt
		11.2. Giáo dục:	Đạt
		- Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 theo quy định hiện hành	Đạt
		- Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở mức độ 3 theo quy định hiện hành	Đạt
		- Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	≥ 65%
		11.3. Y tế:	
		- Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế với số điểm từ 85 điểm trở lên; thực hiện tốt công tác kiểm soát các bệnh truyền nhiễm và bệnh gây dịch, không có tình trạng ngộ độc thực phẩm đông người	Đạt
		- Tỷ lệ người tham gia BHYT	≥ 90 %
12	Vệ sinh môi trường	12.1. Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch	- Nước hợp vệ sinh ≥ 95% - Nước sạch ≥ 55%
		12.2. Đường làng ngõ xóm thường xuyên được quét dọn, phát quang, vệ sinh sạch sẽ bảo đảm sáng - xanh - sạch - đẹp, phù hợp với bản sắc văn hóa của từng xã. Các thôn trên địa bàn xã phải có quy chế vệ sinh đường làng, ngõ xóm (định kỳ tối thiểu 02 lần/tháng tổ chức làm vệ sinh chung); khuyến khích xây dựng hàng rào cây xanh hoặc xanh hóa tường rào cứng hai bên đường qua các khu dân cư tập trung bằng các loại cây xanh, hoa, cây cảnh phù hợp tạo cảnh quan xanh, sạch, đẹp và thân thiện với môi trường.	Đạt
		12.3. Nước thải sinh hoạt trong các khu dân cư phải có hệ thống xử lý thoát nước đảm bảo vệ sinh, không ô nhiễm môi trường; chất thải rắn thu gom, xử lý đảm bảo theo quy định.	Đạt
		12.4. Rác thải phải được thu gom, phân loại, xử lý ngay từ hộ gia đình đảm bảo không có tình trạng vứt rác nơi công cộng và những nơi trái quy định; 100% hộ gia đình đều có ý thức và tham gia bảo vệ cảnh quan môi trường	Đạt
		12.5. Thực hiện hiệu quả các giải pháp, phương án cụ thể về bảo vệ môi trường, chủ động phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu	Đạt



		12.6. Tỷ lệ số hộ có vườn được chỉnh trang, cải tạo hợp lý và lựa chọn các loại cây trồng phù hợp để nâng cao giá trị sử dụng đất góp phần làm tăng thu nhập và tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp	≥ 70%
		12.7. Tối thiểu 90% chuồng trại chăn nuôi trong khu dân cư được xây dựng đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định, chất thải chăn nuôi phải được xử lý, không xả thải trực tiếp ra môi trường (trường hợp chăn nuôi gia cầm thì phải có khu chăn thả riêng, có hàng rào đảm bảo gia cầm tự không do ra sân, nhà và đường công cộng).	Đạt
13	Khu dân cư kiểu mẫu	Mỗi xã hoàn thành xây dựng tối thiểu 01 khu dân cư	Đạt
14	Hệ thống chính trị và An ninh, trật tự xã hội	14.1. Cán bộ, công chức xã chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật và nâng cao đạo đức công vụ trong thực hiện nhiệm vụ; Đảng bộ xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch vững mạnh” và Chính quyền xã đạt tiêu chuẩn Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong hai năm liên tiếp	Đạt
		14.2. Về cải cách hành chính: Niêm yết công khai đầy đủ các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết cấp xã. - 100% thủ tục hành chính được thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và 50% thủ tục hành chính được triển khai hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 3-4. - Cung cấp dịch vụ tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích. - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của các tổ chức, cá nhân đạt từ 100% số hồ sơ trở lên.	Đạt
		14.3. An ninh trật tự đảm bảo, nhân dân tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, có các mô hình tự quản hoạt động thường xuyên, hiệu quả.	Đạt
		14.4. Các thôn, bản xây dựng và thực hiện hiệu quả quy ước, hương ước tại cộng đồng, tuyên truyền nâng cao sự hiểu biết và ý thức chấp hành pháp luật cho người dân.	Đạt